

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST  
Ngày 29/5/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Văn Công Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bạch Đình Ca.

Ông Nguyễn Nữ Ước.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn N;** Sinh ngày 23/7/1998, tại tỉnh Đắk Nông (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 16 tuổi 02 tháng 29 ngày);

Nơi cư trú: Thôn 06, xã C, huyện J, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị B, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, *có mặt*.

**2. Nguyễn Công C.** Tên gọi khác: Nguyễn Văn T; Sinh ngày: 25/8/1997, tại tỉnh Đắk Nông (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 17 tuổi 01 tháng 27 ngày);

Nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện J, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công Đ, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, *có mặt*.

*Bị hại:* Ông Đỗ Quang L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Đỗ Quang L (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2018) *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N và Nguyễn Công C làm thuê cho ông Đỗ Ngọc H và được ông H giao trông coi giàn máy khoan giếng tại nhà ông H thuộc thôn X, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/10/2014, trong lúc đang trông coi giàn máy khoan thì N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ C cùng đột nhập vào nhà ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị Đ cùng ở thôn X cách chỗ đang khoan giếng khoảng 30m để trộm cắp tài sản. N đi đến giàn máy khoan giếng lấy 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại (dài 30cm, không có tay cầm) rồi cùng C đi đến khu vực cửa sổ phía sau nhà ông L, N dùng lưỡi cưa sắt cưa song cửa sổ rồi trèo vào bên trong, còn C đứng bên ngoài để canh giới. N đi vào phòng ngủ thì thấy 01 tủ quần áo bằng gỗ, có chìa khóa cắm sẵn, N mở cánh cửa tủ phát hiện có 04 cọc tiền polime đều có mệnh giá 100.000 đồng được quấn bằng giấy trắng. N lấy toàn bộ số tiền trên đưa ra ngoài cho C cất vào túi quần rồi leo qua cửa sổ. Cả hai thống nhất cùng bỏ trốn về nhà ở xã N, huyện J, tỉnh Đắk Nông nên quay lại nhà ông H để lấy xe mô tô của C (loại xe Wave Trung Quốc, màu xanh, không xác định được năm sản xuất và biển số xe). C chở N theo hướng ra đường Quốc lộ 27 về xã N, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Khi đến đoạn đường vắng người qua lại cả hai dừng xe và đếm số tiền được 40.000.000 đồng, N chia cho C 20.000.000 đồng, N 20.000.000 đồng.

Sau khi về nhà, C tiêu xài hết 5.000.000 đồng còn lại 15.000.000 đồng C đưa lại cho N, N đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất số tiền 40.000.000 đồng, ông Đỗ Quang L đã làm đơn trình báo toàn bộ nội dung sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm 01 lưỡi cưa sắt, bằng kim loại (dài 30cm, không có tay cầm) và 01 xe mô tô, loại xe Wave Trung Quốc, màu xanh (không xác định được biển số xe) nhưng không thu giữ được.

Cáo trạng số: 11/CT-VKS-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Công C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra, bị hại ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị Đ khai: Trưa ngày 22/10/2014, ông bà đi làm về thì phát hiện cửa sổ bị cạy bung ra, số tiền 40.000.000 đồng ông bà để trong tủ quần áo đã bị lấy mất. Kết quả điều tra xác định do bị cáo N và C thực hiện, nay các bị cáo đã bồi thường cho ông bà đầy đủ nên ông bà không yêu cầu thêm gì. Đối với khung cửa sổ bị hư hỏng ông, bà cũng không yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Ngọc H khai trong quá trình điều tra: Các bị cáo là người làm thuê trông coi giàn máy khoan giếng cho ông, thời điểm các bị cáo trộm cắp tài sản ông không biết. Đối với 01 cái lưới cửa sắt bị mất ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường vì giá trị không đáng kể.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm 01 lưới cửa sắt bằng kim loại dài 30cm (không có tay cầm) và 01 xe mô tô, loại xe Wave Trung Quốc, màu xanh (không xác định được biển số xe) nhưng không thu giữ được nên không có cơ sở để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận việc các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Công C đã tự nguyện bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị Đ, trong đó bị cáo N bồi thường 35.000.000 đồng và bị cáo C bồi thường 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Ông Đỗ Ngọc H không yêu cầu bị cáo Trần Văn N bồi thường 01 lưới cửa sắt bằng kim loại (dài 30cm, không có tay cầm) mà bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/10/2014, các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) đã lén lút đột nhập vào nhà ông Đỗ Quang L, bà Nguyễn Thị Đ ở thôn X, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk lấy trộm số tiền 40.000.000 đồng sau đó bỏ trốn. Như vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

### **Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”*

[2] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu về tài sản của gia đình ông Đỗ Quang L, bà Nguyễn Thị Đ. Hành vi đó là lén lút, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình và quyền sở hữu tài sản của người khác là không thể xâm phạm, nhưng do tham lam tư lợi mà các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác một cách liêu lĩnh, táo bạo. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3] Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng vai trò, tính chất, mức độ khác nhau nên cần phân tích, đánh giá riêng rẽ để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Văn N là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, chủ động thăm dò tình hình trước khi thực hiện tội phạm, chuẩn bị công cụ là một lưỡi cưa sắt và trực tiếp cưa song cửa sổ nhà bị hại, đột nhập vào nhà lấy số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt xong, bị cáo là người hưởng thành quả nhiều hơn bị cáo C để tiêu xài cá nhân nên phải chịu mức án cao hơn bị cáo C.

Bị cáo Nguyễn Công C với vai trò giúp sức, cảnh giới tạo động lực cho bị cáo N thực hiện việc trộm cắp tài sản, chờ bị cáo N bỏ trốn về nhà, trong số tiền chiếm đoạt được bị cáo chia phần ít hơn, vai trò hạn chế hơn nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo N.

[4] Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

chiếm đoạt tài sản có giá trị không lớn, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội khi đang ở độ tuổi chưa thành niên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế nên được xem xét áp dụng các nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt các bị cáo không quá ba phần tư mức án mà điều luật quy định. Do đó HĐXX xét thấy mức án phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo có phần nghiêm khắc.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại dài 30cm (không có tay cầm) mà bị cáo N dùng cưa song cửa nhà bị hại nhưng không thu giữ được. Đối với 01 xe mô tô, loại xe Wave Trung Quốc, màu xanh (không xác định được biển số) của bị cáo C dùng để chở bị cáo N bỏ trốn cũng không thu giữ được, đồng thời tại Công văn số 03/HĐĐGTS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện C trả lời về việc không có đủ căn cứ và cơ sở để định giá chiếc xe này. Vì vậy HĐXX không có cơ sở để giải quyết các vật chứng này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005;

Ngày 27/3/2018, các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Công C đã tự nguyện bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị Đ, trong đó bị cáo N bồi thường 35.000.000 đồng, bị cáo C bồi thường 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên công nhận sự thỏa thuận này.

Đối với thiệt hại song cửa sổ bị hư hỏng bị hại không yêu cầu gì. Ông Đỗ Ngọc H cũng không yêu cầu bị cáo N bồi thường 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tuyên bố bị cáo: Trần Văn N; Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công C** (Nguyễn Văn T) 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

**Về xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm 01 lưỡi cưa sắt, bằng kim loại, dài 30cm (không có tay cầm) và 01 xe mô tô, loại xe Wave Trung Quốc, màu xanh (không xác định được biển số xe) của bị cáo Nguyễn Công C nhưng không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005:

Chấp nhận việc các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) đã tự nguyện bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 27/3/2018, trong đó bị cáo N bồi thường 35.000.000 đồng và bị cáo C bồi thường 5.000.000 đồng.

Đối với thiệt hại song cửa sổ bị hư hỏng bị hại không yêu cầu gì; ông Đỗ Ngọc H cũng không yêu cầu bị cáo N bồi thường 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án kèm theo danh mục án phí lệ phí tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Công C (Nguyễn Văn T) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ khi tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Công Cường**